



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

HỘI NGHỊ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

NĂM HỌC 2020 – 2021

Hà Nội, 10/11/2021



Nội dung

❖ Tổng kết công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021

- Kết quả thực hiện mục tiêu 2020 - 2021
- Tuyển sinh
- Quy mô đào tạo
- Tổ chức, quản lý đào tạo
- Giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp
- Xuất bản giáo trình, bài giảng
- Nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên
- Khảo thí và đảm bảo chất lượng

❖ Kế hoạch công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022

- Kế hoạch Đào tạo Đại học
- Kế hoạch Đào tạo Sau đại học
- Kế hoạch Đảm bảo chất lượng



Nội dung

❖ *Tổng kết công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021*

- *Kết quả thực hiện mục tiêu 2020 - 2021*
- *Tuyển sinh*
- *Quy mô đào tạo*
- *Tổ chức, quản lý đào tạo*
- *Giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp*
- *Xuất bản giáo trình, bài giảng*
- *Nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên*
- *Khảo thí và đảm bảo chất lượng*

❖ Kế hoạch công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022

- Kế hoạch Đào tạo Đại học
- Kế hoạch Đào tạo Sau đại học
- Kế hoạch Đảm bảo chất lượng



Kết quả thực hiện mục tiêu 2020-2021

❖ Đào tạo Đại học

TT	Mục tiêu cụ thể năm 2020	Kết quả
1	<i>Phân đầu tuyển sinh khoảng từ 1800 đến 2000 sinh viên trong đợt tuyển sinh năm 2021 (theo cả hình thức xét tuyển học bạ và THPT Quốc gia);</i>	Chính quy: 5231 sinh viên
2	<i>Mở từ 3 đến 5 chương trình đào tạo mới;</i>	Đã mở 8 ngành mới đại học chính quy Đang tiến hành mở thêm 8 ngành, 6 chuyên ngành đào tạo đại học chính quy và 02 ngành đào tạo sau đại học
3	<i>Mở từ 1 đến 2 chương trình đào tạo chất lượng cao;</i>	Đã mở được 1 chương trình chất lượng cao
4	<i>Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, bảo đảm tính phù hợp, hiện đại và hội nhập, có sự liên thông theo ngành, nhóm ngành với các chương trình đào tạo trong cùng trình độ và giữa các trình độ trong cùng một ngành của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội, đáp ứng chuẩn đầu ra và hội nhập khu vực; tăng cường thực hành, thực tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống cho người học;</i>	- Thông báo số 275 về rà soát điều chỉnh đề cương chi tiết theo khuyến nghị của đoàn đánh giá - QĐ 318 về việc ban hành hướng dẫn/ quy trình mở ngành/ chuyên ngành
5	<i>Nâng cao chất lượng tuyển sinh, đặc biệt đối với một số ngành đang được xã hội quan tâm.</i>	Một số ngành điểm đầu vào đã được nâng cao hơn so với năm ngoái
		Đã triển khai giảng dạy trực tuyến đối với hầu hết các học phần



Kết quả thực hiện mục tiêu 2020-2021

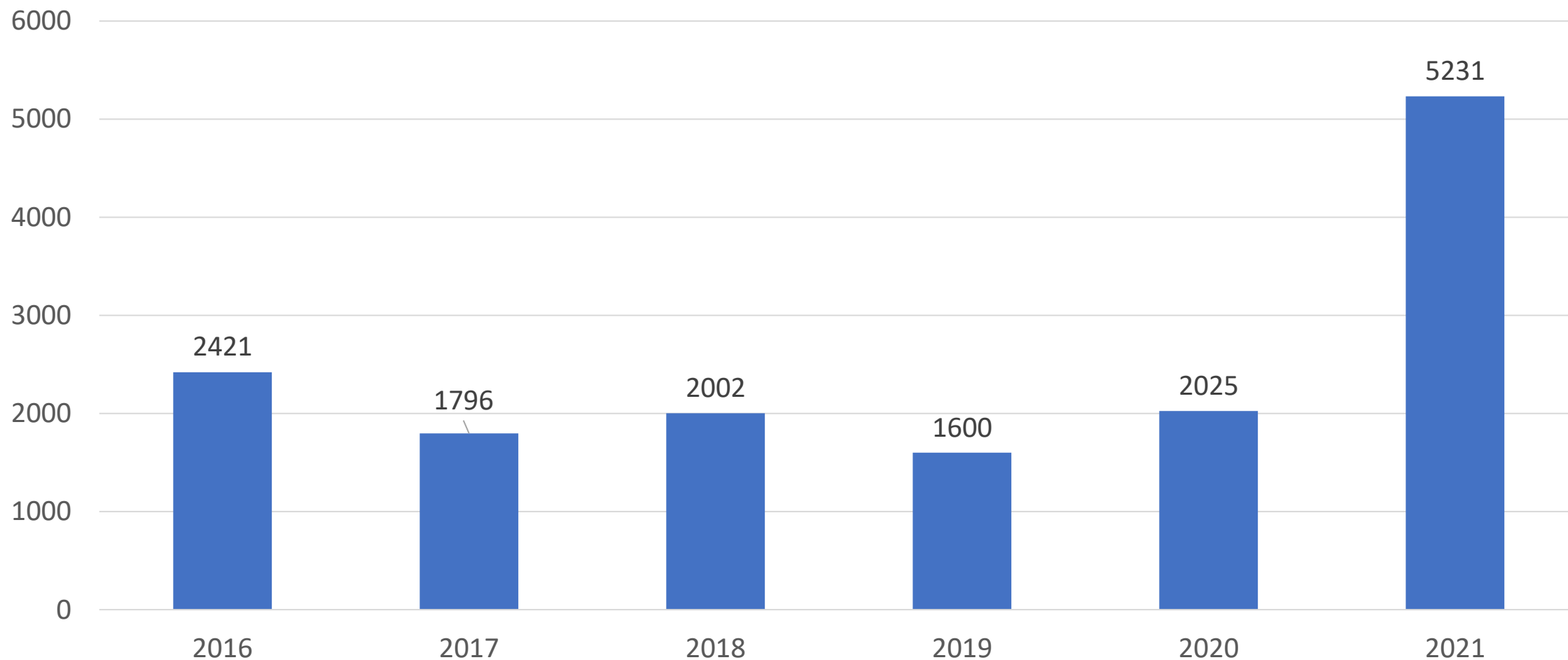
❖ Đào tạo Sau đại học

TT	Mục tiêu cụ thể năm 2020	Kết quả
1	<i>Tuyển sinh 2 đợt/năm với tổng số lượng khoảng 400-450 học viên cao học và 10-15 NCS. Ổn định quy mô đào tạo sau đại học khoảng 900-1000, trong đó có 100 NCS và 800-900 học viên cao học.</i>	- 613 học viên cao học - 14 nghiên cứu sinh - Quy mô: 1164
2	<i>Tiếp tục mở mới các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: ngành Kỹ thuật xây dựng, Quản lý kinh tế liên kết với nước ngoài và ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Kỹ thuật hóa học.</i>	- Đã mở mới: 2 ngành - Đang tiến hành: 2 ngành



Tuyển sinh

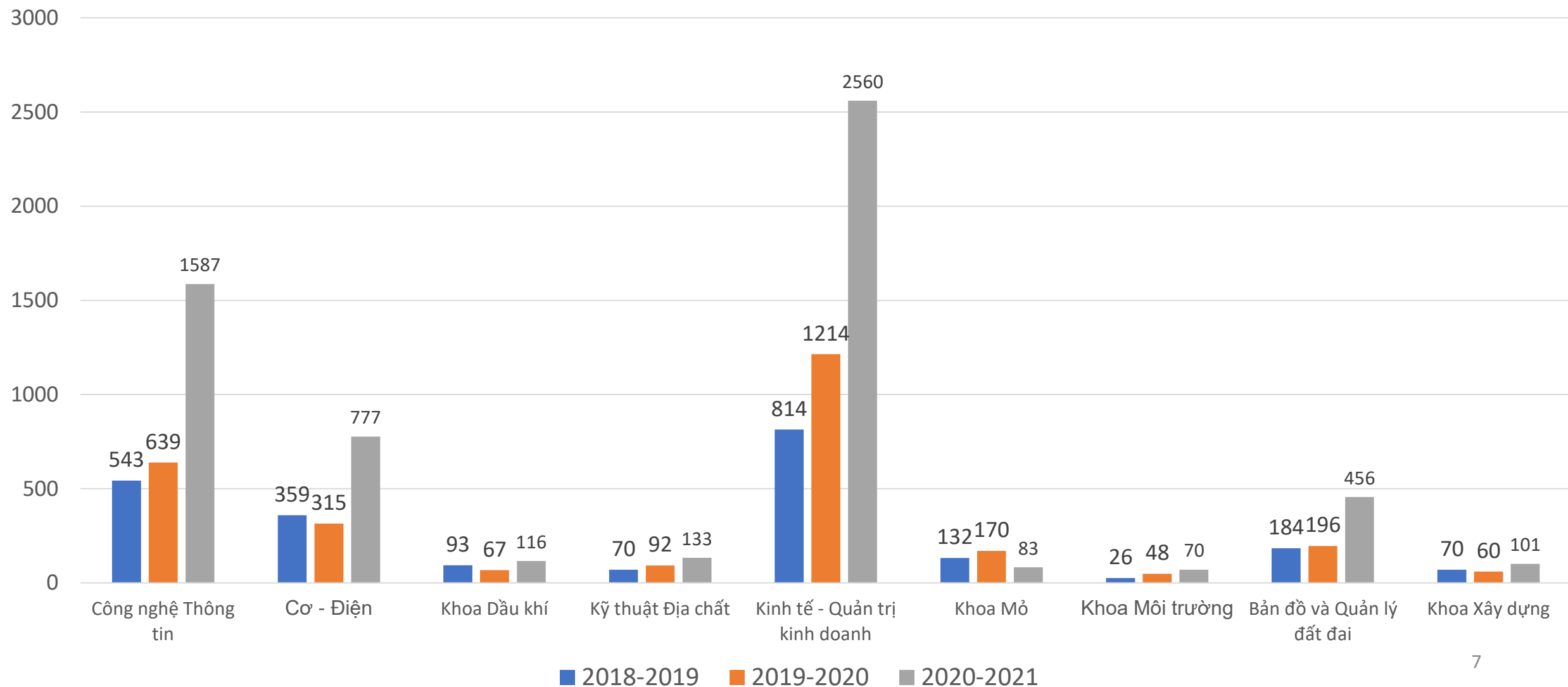
KẾT QUẢ TUYỂN SINH HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 6 NĂM GẦN NHẤT





Tuyển sinh

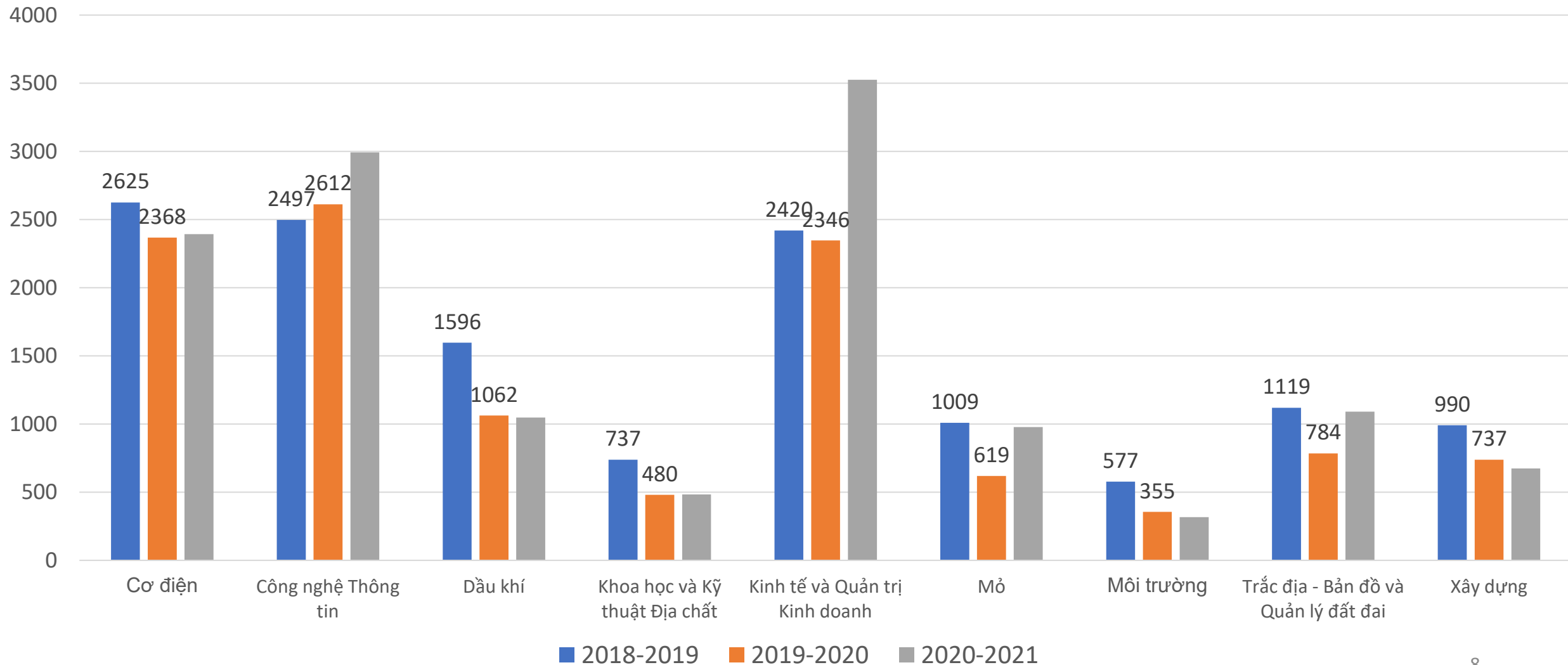
KẾT QUẢ TUYỂN SINH TOÀN TRƯỜNG THEO KHOA





Quy mô đào tạo

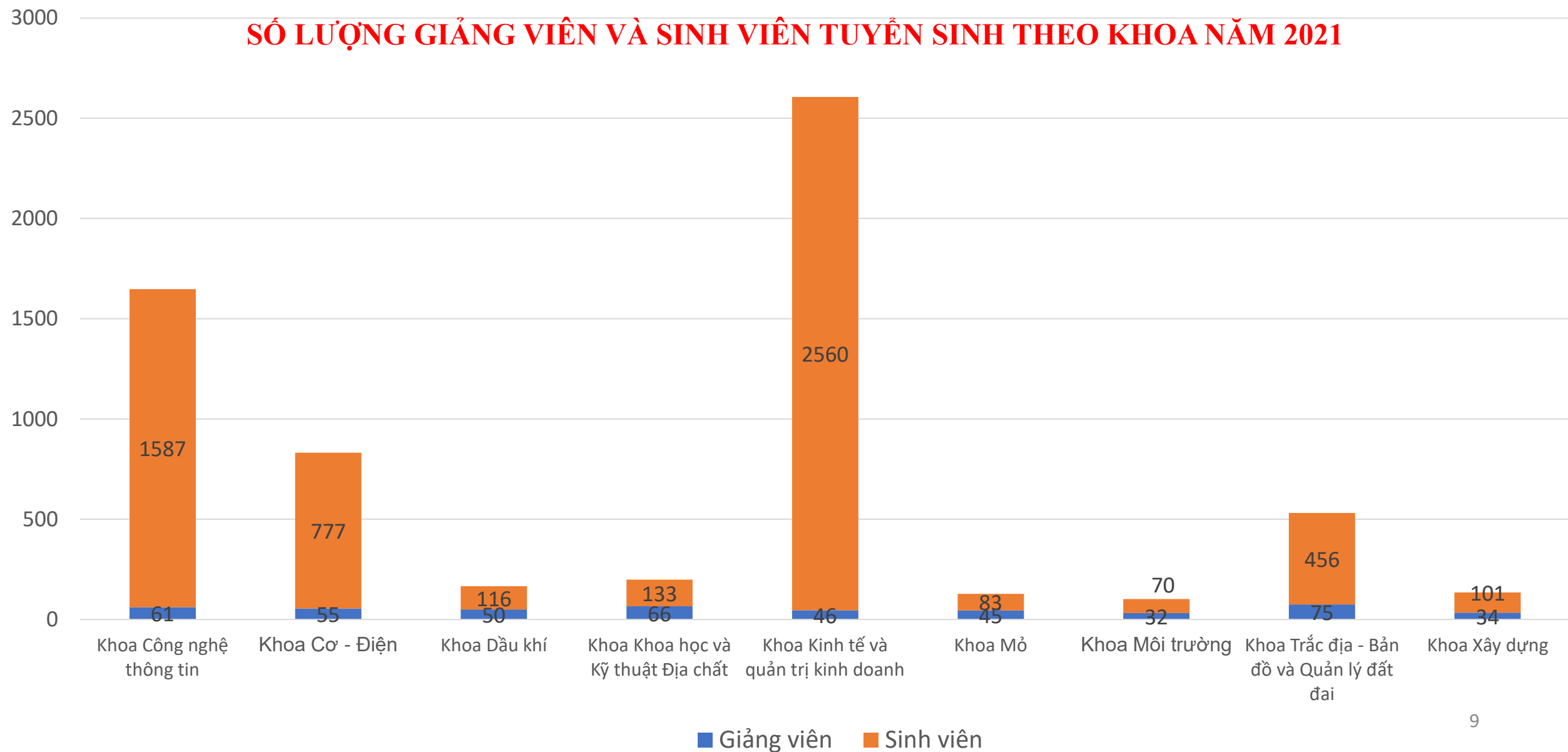
QUY MÔ ĐÀO TẠO





Quy mô đào tạo

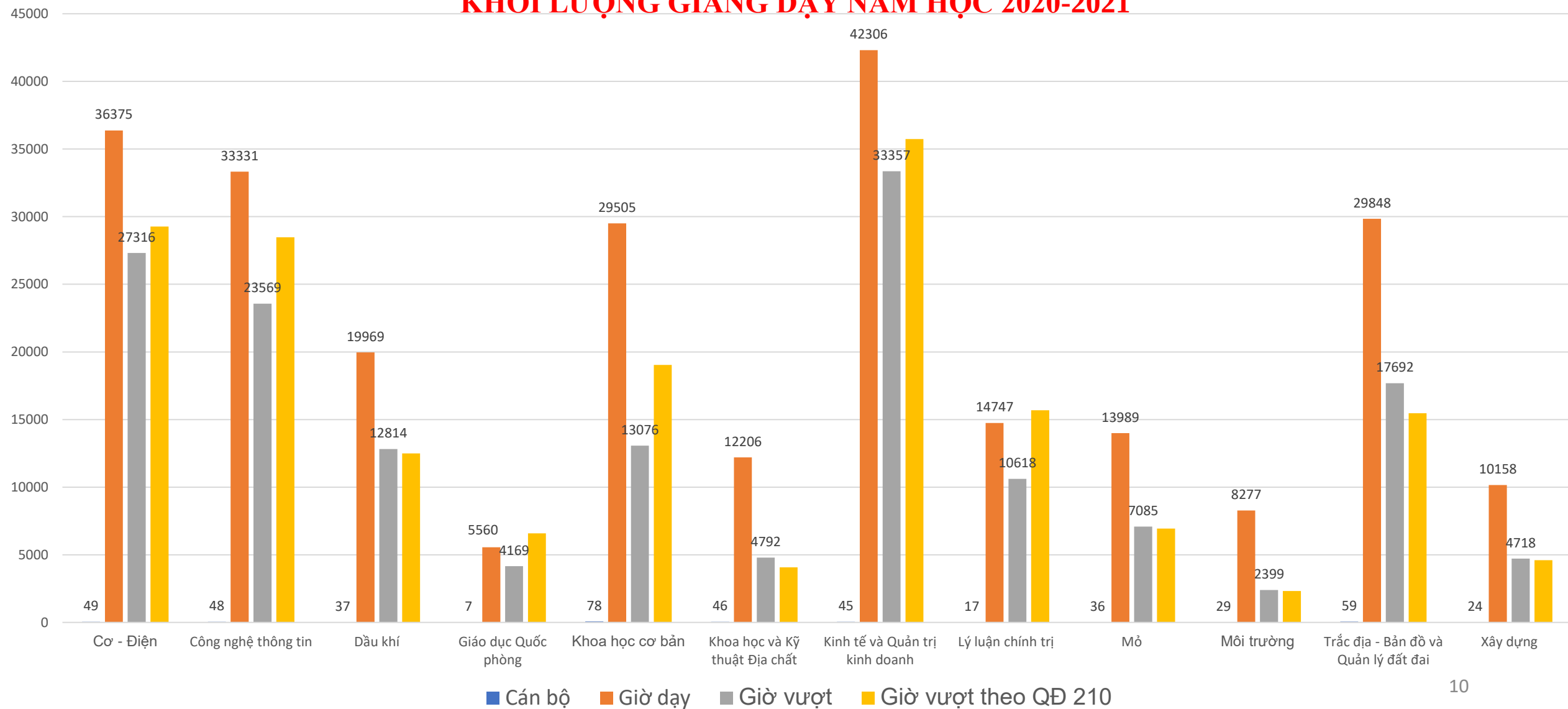
SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TUYỂN SINH THEO KHOA NĂM 2021





Quy mô đào tạo

KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021





Tổ chức, quản lý đào tạo

HỢP TÁC ĐÀO TẠO

- Các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội
- Mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà Trường.

STT	Tên đơn vị
1	Đại học Bách khoa Hà Nội
2	Đại học Bách khoa Đà Nẵng
3	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh
4	Trường ĐH Giao thông vận tải
5	Trường ĐH Thủy Lợi
6	Trường ĐH Xây dựng
7	Tổng Công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
8	Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIỂN ĐÔNG POC)
9	Cục Bản đồ, Bộ Tổng Tham mưu (Bộ Quốc Phòng)
10	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)



Tổ chức, quản lý đào tạo (2)

❖ Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa:

- Đẩy mạnh sử dụng phòng thu âm bài giảng (C402A và C402B) với đầy đủ trang thiết bị như máy tính, micro thu âm chuyên dụng
- Hiện tại các bài giảng E-Learning sau khi nghiệm thu đã được đưa lên hệ thống để sẵn sàng triển khai học tập theo hình thức E-Learning và Blended Learning trong thời gian sắp tới
- Nhà trường đã phát triển thành công hệ thống HUMG eExams để tổ chức thi kết thúc học phần và thi chuẩn đầu ra trực tuyến.
- Nhà trường vẫn tiếp tục ký kết hợp đồng về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp sinh viên ngành Công nghệ thông tin và ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.



Tổ chức, quản lý đào tạo (3)

❖ Quản lý đào tạo:

- Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như: Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ số 768/QĐ-MĐC, quy định chế độ làm việc của giảng viên.
- Đang tiến hành mở thêm 8 ngành, 6 chuyên ngành đào tạo đại học chính quy và 02 ngành đào tạo sau đại học

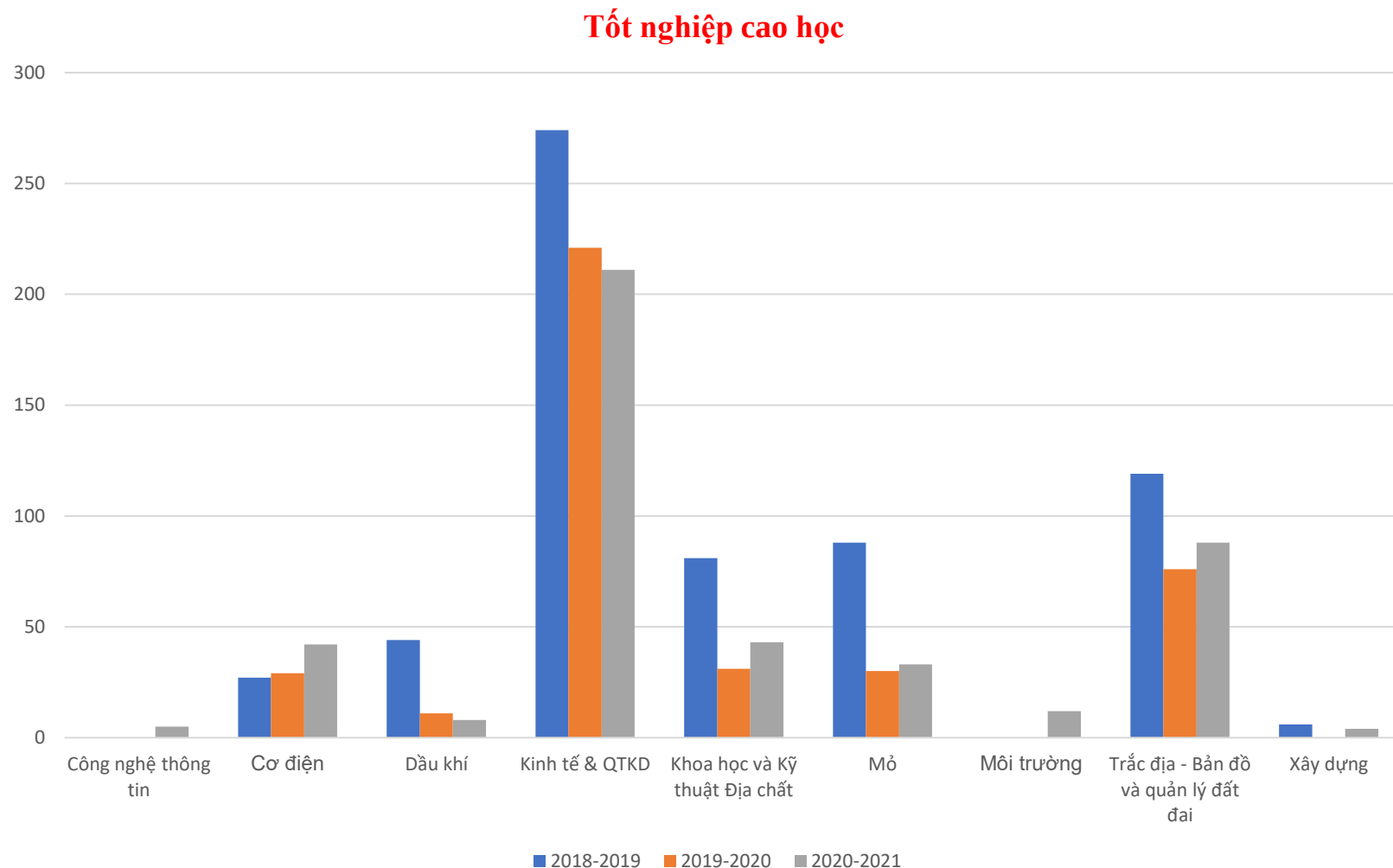
STT	Tên ngành, chuyên ngành	Hình thức đào tạo
1	Ngành Kỹ thuật Ô tô	Đại học chính quy
2	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
3	Ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo	
4	Ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước	
5	Ngành Đá quý Đá mỹ nghệ	
6	Ngành Luật kinh tế	
7	Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
8	Ngành An toàn , Vệ sinh lao động	
9	Chuyên ngành Khai thác hầm lò	
10	Chuyên ngành Dịch vụ Công trình biển - Dầu khí	
11	Chuyên ngành KT Polyme	
12	Chuyên ngành KT Hóa thực phẩm	
13	Chuyên ngành Địa vật lý đô thị	
14	Ngành hóa dược	NCS
15	Ngành Kỹ thuật môi trường	
16	Ngành Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý	



Tổ chức, quản lý đào tạo (4)

❖ Quản lý đào tạo (tt):

- Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh





Tổ chức, quản lý đào tạo (5)

❖ *Tồn tại, hạn chế:*

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 các hoạt động trong năm học 2020-2021 bị ảnh hưởng.
- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công.
- Việc triển khai đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo tại tất cả các đơn vị trong Trường còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường



Xuất bản

Tên giáo trình Nhà xuất bản	Khoa	Ghi chú
Phân tích kinh tế HĐKD trong DN	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Đang làm thủ tục xuất bản
Kế toán máy	Công nghệ thông tin	Đang làm thủ tục Hội đồng thẩm định giáo trình
Tin học văn phòng nâng cao	Công nghệ thông tin	Đang làm thủ tục Hội đồng thẩm định giáo trình
Chế biến than	Khoa học và Kỹ thuật địa chất	Đã xuất bản năm học 2021-2022
Địa chất dầu khí	Dầu khí	
Nguyên lý phá hủy	Dầu khí	
Kế toán thương mại, dịch vụ	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
Sách tham khảo Kinh tế học vi mô	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
Thuế quốc tế	Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
Đại số tuyến tính	Khoa học cơ bản	
Sách chuyên khảo "Chi bọ ếch (Glochidion) - Hoá học các hợp chất triterpenoid và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của ba loài Glochidion eriocarpum, Glochidion glomerulatum và Glochidion hirsutum ở Việt Nam"	Khoa học cơ bản	
Nguyên liệu khoáng đại cương	Khoa học và Kỹ thuật địa chất	



Nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên

Năm học	Số SV tham gia	Số báo cáo khoa học	Số báo cáo đạt giải
2018 – 2019	755	187	37
2019 – 2020	670	161	34
2020-2021	601	164	34

Nghiên cứu khoa học sinh viên

Năm học	Olympic cấp Trường		Olympic Quốc gia	
	Số SV tham gia	Số SV đạt giải	Số SV tham gia	Số SV đạt giải
2018 - 2019	382	121	35	18
2019 – 2020	370	120		
2020-2021	Không tổ chức			

Olympic sinh viên



Khảo thí và đảm bảo chất lượng

❖ Công tác khảo thí:

Số liệu học phần, bài thi trong HK1 và HK2A năm học 2020-2021

Học kỳ	Khảo thí/ Chưa khảo thí	Hình thức thi	Số phòng thi	Số thí sinh
1A	Chưa khảo thí		133	4514
	Khảo thí	Tự luận	227	10339
		Vấn đáp	2	63
		Trắc nghiệm	62	3114
		Trắc nghiệm + TL	33	1876
		Thực hành	6	246
1B	Chưa khảo thí		353	11087
	Khảo thí	Tự luận	304	13125
		Vấn đáp	5	198
		Trắc nghiệm	77	3415
		Trắc nghiệm + TL	82	2922
		Thực hành	18	672
2A	Chưa khảo thí		80	2665
	Khảo thí	Tự luận	74	3391
		Vấn đáp	01	67
		Trắc nghiệm	6	310
		Trắc nghiệm + TL	9	391
		Thực hành	5	256
Tổng số			1477	58651



Khảo thí và đảm bảo chất lượng (2)

❖ Công tác khảo thí:

Số liệu học phần, bài thi trực tuyến đại học và cao học năm học 2020-2021

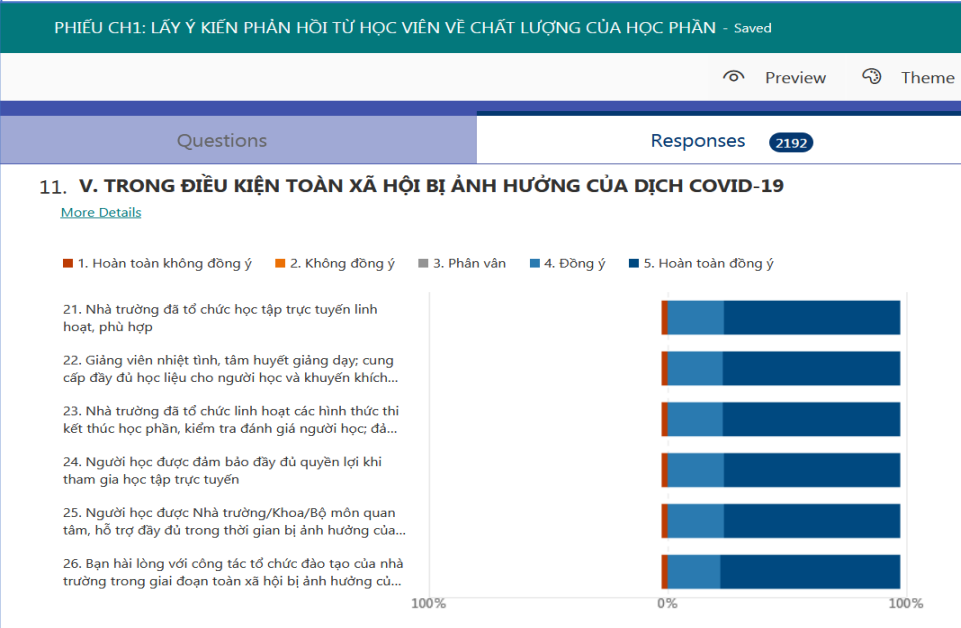
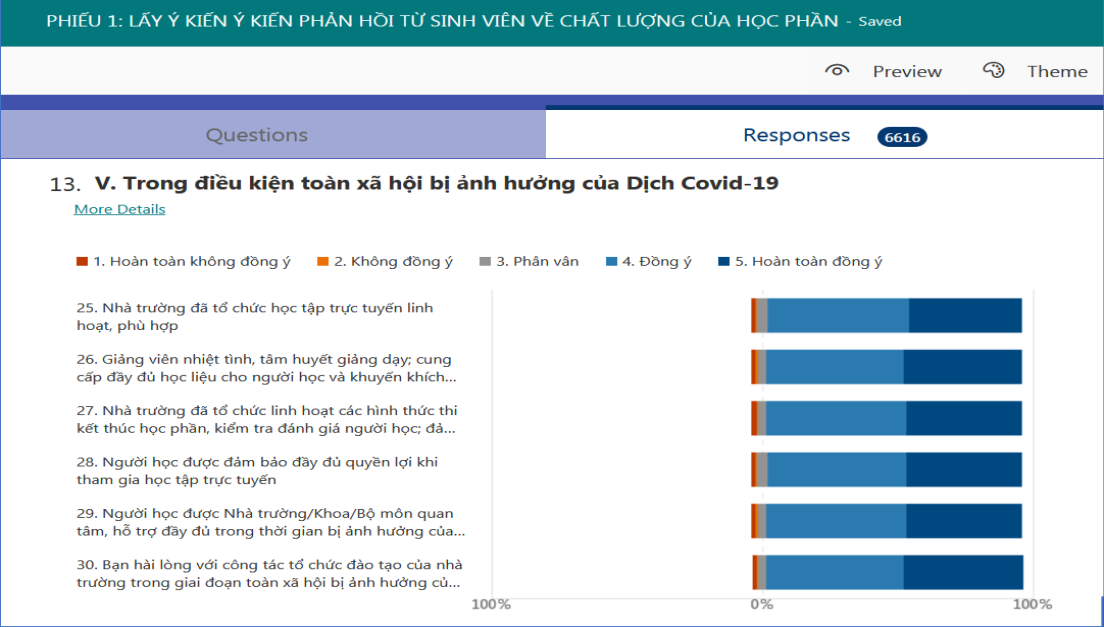
Học kỳ	Đại học/ Sau đại học	Hình thức thi	Số phòng thi	Số thí sinh
2B	Đại học	TLL	175	8418
		VĐOL	103	2773
		BTLN	105	4512
		THOL	10	265
		TNOL	535	19416
HK phụ	Đại học	TLL	26	857
		VĐOL	7	142
		BTLN	20	580
		THOL	1	40
		TNOL	98	2353
	Tổng số		1080	39356
K40 HK2, K41 HK1 K41 HK2, K42 HK1 (thi trực tuyến)	Cao học	TLL	530	
		TLLO	22	
		VĐOL	36	
		BTLN	79	
		THOL	0	
		TNOL	16	
	Tổng số		683	8769



Khảo thí và đảm bảo chất lượng (2)

❖ Công tác khảo thí:

- Công tác khảo thí đại học và sau đại học trong năm học vừa qua đã được triển khai tốt theo kế hoạch
- Sinh viên và học viên có phản hồi tốt về hoạt động kiểm tra đánh giá trực tuyến của Nhà trường trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh



Khảo thí và đảm bảo chất lượng (3)

❖ Công tác đảm bảo chất lượng:

- *Kiểm định CTĐT*: Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 07 CTĐT cho 06 khoa: Mỏ, Trắc địa-Bản đồ và QLĐĐ, Dầu khí, CNTT, Xây dựng, Môi trường; đã triển khai tốt các công tác phục vụ đánh giá ngoài. Nhà trường đã nhận được GCN kiểm định chất lượng của 07 CTĐT vào tháng 12/2020
- *Xếp hạng trường*: Tháng 8/2020, Phòng ĐBCLGD đã phối hợp với các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc cung cấp số liệu, tham gia xếp hạng các trường ĐH theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020.
- *Văn bằng chứng chỉ*: Thực hiện Quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ Trường Đại học Mỏ - Địa chất được ban hành theo QĐ 133 ngày 3/3/2020, Tháng 10/2020 Phòng đã phối hợp với Xưởng in Văn phòng Bộ (Bộ GDĐT) để in 100 phôi bằng TS; 2000 phôi bằng ThS; 5000 phôi bằng KS; 2000 phôi bằng CN; thực hiện bàn giao phôi bằng cho các đơn vị chức năng và báo cáo Cục QLCL theo quy định (tháng 01/2021) và theo các yêu cầu đột xuất (tháng 09 và tháng 10/2021).

Số liệu phôi bằng kỹ sư, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ

TT	Loại văn bằng	Số lượng phôi bằng in mới	Số lượng bằng đã cấp cho người học	Số lượng bằng in hỏng	Số lượng phôi bằng chưa sử dụng	Ghi chú
1.	Kỹ sư	5000	1218	23	3759	
2.	Cử nhân	2000	324	108	1568	
3.	Thạc sĩ	2000	219	0	1781	
4.	Tiến sĩ	100	5	0	95	

Số liệu phôi Chứng chỉ GDQP-AN

TT	Loại CC	Số lượng phôi CC tồn cũ	Số lượng phôi CC được cấp/in mới	Số lượng CC đã cấp cho người học	Số lượng CC hỏng	Số lượng phôi CC chưa sử dụng	Ghi chú
1.	GDQP-AN	525	1776	2078	0	223	



Nội dung

❖ Tổng kết công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021

- Kết quả thực hiện mục tiêu 2020 - 2021
- Tuyển sinh
- Quy mô đào tạo
- Tổ chức, quản lý đào tạo
- Giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp
- Xuất bản giáo trình, bài giảng
- Nghiên cứu khoa học và Olympic sinh viên
- Khảo thí và đảm bảo chất lượng

❖ *Kế hoạch công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022*

- *Kế hoạch Đào tạo Đại học*
- *Kế hoạch Đào tạo Sau đại học*
- *Kế hoạch Đảm bảo chất lượng*



Kế hoạch Đào tạo đại học

Mục tiêu chung

Mục tiêu cụ thể

Các giải pháp chủ yếu



Kế hoạch Đào tạo Đại học

❖ *Mục tiêu chung:*

- Tăng chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo đại học do có thêm ngành mới;
- Hoàn thiện các quy định quy chế đào tạo trong công tác quản lý;
- Tăng cường triển khai và ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo;
- Mở thêm các ngành mới đáp ứng nhu cầu xã hội



Kế hoạch Đào tạo Đại học (2)

❖ *Mục tiêu cụ thể:*

- ❖ Phân đầu tuyển sinh khoảng từ 3000 đến 3500 sinh viên trong đợt tuyển sinh năm 2022 (theo cả hình thức xét tuyển học bạ và THPT Quốc gia);
- ❖ Hoàn thiện các quy định quy chế về: Mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy trực tuyến và liên kết đào tạo.
- ❖ Ứng dụng công nghệ thông tin triển khai các modul ứng dụng Edusoft trên nền tảng di động, tăng cường công tác sử dụng Edusoft tại các Khoa trong công tác quản lý sinh viên và đánh giá giảng viên.
- ❖ Mở thêm các ngành mới theo kế hoạch năm 2022 sẽ mở thêm một số ngành theo nhu cầu xã hội



Kế hoạch Đào tạo Đại học (3)

❖ *Các giải pháp chủ yếu:*

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 3000 sinh viên đại học;
- Ban hành các quy chế, quy định về các công tác mở ngành, bài giảng giáo trình, dạy học trực tuyến, liên kết đào tạo;
- Tăng cường tập huấn sử dụng edusoft tại các khoa, Phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên;
- Xây dựng mới các CTDT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội. Chủ động thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao và các chương trình đào tạo tiên tiến cũng như các chương trình thuộc nhiệm vụ chiến lược của Trường;



Kế hoạch Đào tạo Sau đại học

Mục tiêu chung

Mục tiêu cụ thể

Các giải pháp chủ yếu



Kế hoạch Đào tạo Sau đại học

❖ *Mục tiêu chung:*

- ❖ *Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo, triển khai mạnh mẽ các giải pháp học tập hiệu quả để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với thực tế và sự phát triển của Nhà trường.*
- ❖ *Tăng cường công tác phát triển đội ngũ cán bộ để xây dựng các chương trình đào tạo, ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Mở rộng phạm vi và đẩy mạnh liên kết đào tạo, bồi dưỡng sau đại học với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, cũng như các tổ chức kinh tế và các doanh nghiệp.*
- ❖ *Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá các chương trình đào tạo sau đại học và các hoạt động sau đại học của Nhà trường phổ biến rộng rãi tới từng đối tượng dự tuyển và đối với xã hội.*



Kế hoạch Đào tạo Sau đại học(2)

❖ *Mục tiêu cụ thể:*

- *Tuyển sinh 2 đợt/năm với tổng số lượng khoảng 450 học viên cao học, và 10-15 NCS. Quy mô đào tạo sau đại học khoảng 1000, trong đó có 120 NCS và 880 học viên cao học.*
- *Tổ chức từ 2 - 3 lớp bồi dưỡng chuyên đề sau đại học với số lượng dự kiến 50 - 100 học viên.*
- *Mở mới 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Ngành Kỹ thuật môi trường và Ngành Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý).*



Kế hoạch Đào tạo Sau đại học(3)

❖ *Các giải pháp chủ yếu:*

- *Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.*
- *Xây dựng và phát triển liên kết đào tạo cao học với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo hình thức E-Learning, bước đầu triển khai đối với ngành Quản lý kinh tế. Chú trọng công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học*
- *Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo sau đại học để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.*



Kế hoạch Đào tạo Sau đại học(4)

❖ *Các giải pháp chủ yếu (tt):*

- *Xây dựng và phát triển liên kết đào tạo cao học với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo hình thức E-Learning, bước đầu triển khai đối với ngành Quản lý kinh tế. Chú trọng công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.*
- *Chú trọng và thực hiện chặt chẽ hơn nữa việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập và nghiên cứu; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của học viên, từ đó đề ra các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.*



Kế hoạch đảm bảo chất lượng

Công tác khảo thí

Công tác đảm bảo chất lượng

Các giải pháp chủ yếu



Công tác khảo thí

- ❖ Tổ chức tốt công tác kiểm tra đánh giá người học. Thực hiện khảo thí 100% các học phần có xếp lịch thi kết thúc học phần đối với sinh viên đại học hệ chính quy trong toàn trường. Tiếp tục tổ chức khảo thí 100% các học phần đối với hệ đào tạo vừa làm vừa học và bậc đào tạo sau đại học.
- ❖ Xây dựng mới, rà soát, bổ sung CSDL, NHCH đề thi và đáp án của các học phần.
- ❖ Rà soát, đổi mới hình thức ra đề thi, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá các hệ, bậc đào tạo trong Trường.



Đảm bảo chất lượng

- ❖ Vận hành có hiệu quả hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất
- ❖ Xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn 2021-2023 và dài hạn 2021-2025.
- ❖ Xây dựng kế hoạch Đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022. Phòng ĐBCL phối hợp với các khoa, các phòng/ban chức năng triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng; cần xây dựng quy chế giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm của các đơn vị trong toàn Trường;
- ❖ Tiếp tục triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN đối với 11 CTĐT đã được KĐCL và 04 CTĐT hoàn thành công tác tự đánh giá 2021;
- ❖ Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chi tiết phục vụ công tác ĐGN CTĐT ngành Kỹ thuật hóa học (Chương trình tiến) theo Bộ tiêu chuẩn AUN- QA.
- ❖ Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai công tác tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ.



Các giải pháp chủ yếu

- ❖ Rà soát, kiện toàn các văn bản về công tác ĐBCLGD, kiện toàn hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- ❖ Rà soát lại quy trình khảo thí đang thực hiện, hợp nhất với quy định thi kết thúc học phần trong các điều kiện đặc biệt (ví dụ Dịch Covid-19).
- ❖ Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.
- ❖ Xây dựng các quy định và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL.
- ❖ Rà soát, xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường và trong mỗi CTĐT.



Xin trân trọng cảm ơn!



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao

TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN

